TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2024/HS-ST
Ngày 14-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Anh Đắc**

Ông **Nguyễn Văn Tám**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông **Đoàn Văn H** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh năm 1989, tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở khi bị bắt: 124E khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 7/12; giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; bố: Trần Văn Đ và mẹ: Nguyễn Thị M; sống như vợ chồng với Trần Thị Diễm M1 và có 01 con sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 48/2012/HSST ngày 12/7/2012, Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xử phạt 07 năm tù, về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/3/2017, đã đóng án phí HSST ngày 17/8/2012; Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra Quyết định số 60/QĐ-TA ngày 20/6/2018, đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc thời hạn 22 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Công an huyện L ra Quyết định số 28/QĐ ngày 19/7/2018, xử phạt hành chính số tiền 1.500.000đồng, về hành vi "Trộm cắp tài sản".

Bị bắt, tạm giam ngày 28 tháng 11 năm 2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V. (Có mặt).

2. Trần Thị Diễm M1, sinh năm 1995, tại tỉnh Bình Thuận; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố G, tổ B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; nơi ở khi bị bắt: Không cố định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 6/12; giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; bố: Trần Văn H1 và mẹ: Ngô Thị L; sống như vợ chồng với Trần Văn T và có 01 con sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 15/6/2021, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra Quyết định số 176/QĐ-TA đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 20 tháng, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt, tạm giam ngày 28 tháng 11 năm 2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V. (Có mặt).

Bị hại:

1. Chị Đỗ Thị Như T1, sinh năm 1994. Địa chỉ: 2 đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1983. Địa chỉ: P chung cư S đường T, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vũ Văn Ổ, sinh năm 1975. Địa chỉ: E đường V, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Bá L1, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1963. Địa chỉ: A khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 có mối quan hệ quen biết nhau và sống cùng nhau như vợ chồng, các bị cáo đã rủ nhau chạy xe mô tô đi lòng vòng một số tuyến đường ở thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để trộm cắp tài sản rồi mang đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã điều tra làm rõ, trong thời gian từ ngày 19/11/2023 đến 27/11/2023, bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 10giờ 21phút ngày 19/11/2023, bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 chở nhau bằng xe mô tô biển số 72N1-7176 chạy lòng vòng một số tuyến đường ở thành phố V với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi cả 02 đến khu vực trước nhà số A đường B, phường C, thành phố V thì bị cáo M1 quan sát thấy có 01 chiếc xe đạp màu đen của chị Đỗ Thị Như T1 để ở trước cửa hàng trên vỉa hè đường Ba Cu nên bị cáo M1 nói với bị cáo T "Có chiếc xe đạp kìa anh, anh dừng lại để em lấy". Nghe vậy, bị cáo T dừng xe lại ở gần đó, còn bị cáo M1 xuống xe đi đến lấy chiếc xe đạp rồi điều khiển chạy đi. Sau khi chiếm

đoạt tài sản, bị cáo M1 cùng với bị cáo T mang đến tiệm mua bán xe đạp ở số B đường B, phường N, thành phố V bán cho ông Vũ Văn Ổ, với giá 400.000đồng lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Theo chị Đỗ Thị Như T1 chiếc xe đạp thể thao màu đen - xanh, nhãn hiệu ALVAS Recon mua ngày 03/10/2023, với giá 7.900.000đồng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐG-TTHS ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự, kết luận: Xe đạp thể thao màu đen – xanh, loại xe đạp địa hình, nhãn hiệu ALVAS Recon, khung nhôm, phuộc ABS, phanh dầu, SHIMANO 3x8 tốc độ, Lốp COMPASS 27.5x2.1 có giá trị 4.500.000đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 12giờ 56phút ngày 23/11/2023, bị cáo M1 cùng với bị cáo T tiếp tục chở nhau bằng xe mô tô biển số 72N1-7176 để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến trước nhà số A đường N, phường D, thành phố V, bị cáo M1 quan sát thấy rồi nói với bị cáo T có 01 chiếc xe đạp màu đỏ của chị Phạm Thị Y để ở trên vỉa hè đường không có ai trông coi. Bị cáo T dừng xe lại còn bị cáo M1 xuống xe đi đến lấy chiếc xe đạp rồi điều khiển chạy đi. Sau đó, bị cáo M1 cùng với bị cáo T mang chiếc xe đạp này đến tiệm mua bán xe đạp của ông Vũ Văn Ổ ở số B đường B, phường N, thành phố V bán với giá 300.000đồng. Số tiền trên bị cáo M1 và bị cáo T chia nhau tiêu xài.

Theo chị Phạm Thị Y tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe đạp màu đỏ, hiệu Fornix mua ngày 01/7/2022, với giá 4.000.000đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐG-TTHS ngày 17 tháng 01 năm 2024, kết luận: Xe đạp màu đỏ, hiệu Fornix có giá trị 2.500.000đồng.

Vụ thứ ba: Vào 12giờ 10phút ngày 27/11/2023, bị cáo M1 cùng với bị cáo T tiếp tục chở nhau bằng xe mô tô biển số 72N1-7176 để đi trộm cắp tài sản. Khi đến trước nhà số D đường T (M), phường H, thành phố V, bị cáo M1 thấy và chỉ cho bị cáo T có 01 xe đạp màu cam của anh Lê Quang Đ1 để ở trên vỉa hè đường không ai trông coi nên bị cáo T dừng xe lại còn bị cáo M1 xuống xe đến lấy xe đạp này rồi chạy đi. Sau khi chiếm đoạt tài sản, bị cáo M1 cùng với bị cáo T mang xe bán cho chủ tiệm mua bán xe ông Vũ Văn Ổ ở số B đường B, phường N, thành phố V với giá 450.000đồng. Số tiền này bị cáo M1 và bị cáo T chia nhau tiêu xài cá nhân.

Theo anh Lê Quang Đ1 tài sản bị chiếm đoạt là chiếc xe đạp thể thao màu cam hiệu Trioblade, mua ngày 29/10/2023, với giá 2.140.000đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐG-TTHS ngày 17 tháng 01 năm 2024, kết luận: Xe đạp thể thao màu cam hiệu Trioblade có giá trị: 1.500.000đồng.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng trong vụ án:

- Về thu giữ vật chứng: 01 xe mô tô biển số 72N1-7176, số khung: RLSCF4EE080128151, số máy: F4A5-128631; 01 túi xách màu nâu, có hoa văn

chữ CLN và đính chữ V ở trên vải; 01 xe đạp hiệu Trioblade màu cam. Riêng 02 chiếc xe đạp còn lại (màu đen – xanh, nhãn hiệu ALVAS Recon và màu đỏ, hiệu Fornix) không thu hồi được.

- Xử lý vật chứng:

Qua xác minh xác định chủ sở hữu xe mô tô biển số 72N1-7176 là ông Nguyễn Bá L1, do không có nhu cầu sử dụng ông L1 đã cho bà Nguyễn Thị M (mẹ ruột của bị cáo Trần Văn T) để làm phương tiện đi lại, bị cáo T đã sử dụng chiếc xe này thực hiện hành vi phạm tội như trên; 01 túi xách màu nâu, có hoa văn chữ CLN và đính chữ V ở trên vải là tài sản của bị cáo Trần Thị Diễm M1.

Tất cả vật chứng và tài sản trên được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý, chờ xử lý.

Đối với 01 xe đạp hiệu Trioblade màu cam, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Lê Quang Đ1.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Đỗ Thị Như T1 yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 4.500.000đồng; ông Vũ Văn Ổ và chị Phạm Thị Y không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại; anh Lê Quang Đ1 đã nhận lại tài sản không yêu cầu đề nghị gì thêm.

Bản cáo trạng số 66/CT-VKSTPVT ngày 08-03-2024, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với vụ trộm cắp tài sản ngày 27/11/2023, do tài sản mà 02 bị cáo chiếm đoạt theo định giá dưới 2.000.000đồng, các bị cóc chưa có tiền sự, tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính phạt tiền, với mức phạt là 2.500.000đồng với bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 về hành vi Trộm cắp tài sản theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Đối với hành vi của ông Vũ Văn Ổ khi mua tài sản của bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 thì không biết tài sản do phạm tội mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V xét thấy không đủ căn cứ để xử lý ông Vũ Văn Ổ về tội "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Các bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, tỏ ra ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bà Nguyễn Thị M xác định xe mô tô biển số 72N1-7176 là của ông Nguyễn Bá L1 cho bà M để bà M làm phương tiện đi lại, do bị cáo Trần Văn T không có

phương tiện đi lại nên bà M cho bị cáo T mượn xe để đi lại. Bà M không biết bị cáo T đã sử dụng chiếc xe này thực hiện hành vi phạm tội, bà M xin nhận lại xe để làm phương tiện đi lại.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 12 đến 15 tháng tù, xử phạt bị cáo Trần Thị Diễm M1 từ 09 đến 12 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 liên đới bồi thường thiệt hại cho chị Đỗ Thị Như T1 số tiền 4.500.000đồng. Về xử lý vật chứng: Trả lại 01 xe mô tô biển số 72N1-7176 cho bà Nguyễn Thị M; Tiêu hủy: 01 túi xách màu nâu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Trong thời gian từ ngày 19/11/2023 đến 27/11/2023, trên địa bàn thành phố V, bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 cùng thực hiện các vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

- Vào khoảng 10giờ 21phút ngày 19/11/2023, tại trước nhà số A đường B, phường C, thành phố V, bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe đạp thể thao màu đen – xanh, nhãn hiệu ALVAS Recon của chị Đỗ Thị Như T1. Sau khi chiếm đoạt tài sản các bị cáo mang đi bán với giá 400.000đồng để tiêu xái cá nhân. Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự giá trị chiếc xe là 4.500.000đồng.

- Vào khoảng 12giờ 56phút ngày 23/11/2023, tại trước nhà số A đường N, phường D, thành phố V, bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe đạp màu đỏ, hiệu Fornix của chị Phạm Thị Y. Sau khi chiếm đoạt tài sản các bị cáo mang đi bán với giá 300.000đồng để tiêu

xái cá nhân. Theo kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự giá trị chiếc xe là có giá trị 2.500.000đồng.

Tổng tài sản mà bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 chiếm đoạt là 7.000.000đồng

Hành vi bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi của các bị cáo: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và xã hội; các bị cáo là người đã trưởng thành, biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện nhằm mục đích có tiền tiêu xài, các bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 đã phạm tội 02 lần nên thuộc trường hợp phạm tội 02 trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tính chất đồng phạm và hình phạt: Bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó, vai trò của các bị cáo trong vụ án là như nhau, bị cáo Trần Văn T là người dùng phương tiện để chở, còn bị cáo Trần Thị Diễm M1 là người trực tiếp lấy tài sản. Tuy nhiên, nhân thân của bị cáo Trần Văn T xấu hơn bị cáo Trần Thị Diễm M1 nên bị cáo Trần Văn T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Trần Thị Diễm M1.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Vũ Văn Ổ và chị Phạm Thị Y không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Chị Đỗ Thị Như T1 yêu cầu bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 phải bồi thường thiệt hại số tiền 4.500.000đồng. Bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của chị Đỗ Thị Như T1 nên ghi nhận. Do đó, buộc bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 phải liên đới bồi thường thiệt hại cho chị Đỗ Thị Như T1 số tiền 4.500.000đồng, mỗi bị cáo 2.250.000đồng.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án:

- Đối với xe mô tô biển số 72N1-7176 do ông Nguyễn Bá L1 đứng tên chủ sở hữu, ông L1 không có nhu cầu sử dụng nên đã cho bà Nguyễn Thị M để làm phương tiện đi lại. Do bị cáo Trần Văn T không có phương tiện đi lại nên bà M cho bị cáo T mượn xe để đi lại. Bà M không biết bị cáo T đã sử dụng chiếc xe này thực hiện hành vi phạm tội nên bà M xin nhận lại xe để làm phương tiện đi lại. Xét, yêu cầu của bà Nguyễn Thị M là có cơ sở nên chấp nhận, trả lại xe mô tô biển số 72N1-7176 cho bà Nguyễn Thị M.

- Đối với 01 túi xách màu nâu, có hoa văn chữ CLN và đính chữ V ở trên vải, không có căn cứ xác định liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này, nhưng bị cáo Trần Thị Diễm M1 đề nghị không nhận lại do không còn giá trị sử dụng nên tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 28 tháng 11 năm 2023.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Diễm M1 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 28 tháng 11 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1 phải liên đới bồi thường thiệt hại cho chị Đỗ Thị Như T1 số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng), mỗi bị cáo 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại: 01 xe mô tô biển số 72N1-7176, số khung: RLSCF4EE080128151, số máy: F4A5-128631 cho bà Nguyễn Thị M.

- Tiêu hủy: 01 túi xách màu nâu, có hoa văn chữ CLN và đính chữ V ở trên vải.

Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 135/BB.CCTHADS ngày 14 tháng 3 năm 2024.

4. Về án phí:

Bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Thị Diễm M1, mỗi bị cáo phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND Tp.Vũng Tàu;
- Công An Tp.Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp.Vũng Tàu;
- Các bị cáo, Người tham gia tố tục khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Kiên